Vai trò kinh tế của nhà nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam = Economic role of the State in the context of globalization and international economic integration of Vietnam : Luận văn ThS Kinh tế: 60.31.01 / Nguyễn Thùy Anh ; Nghd. : PGS.TS. Phí Mạnh Hồng

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài

Lịch sử phát triển của các quốc gia trên thế giới đã cho thấy nhà nước luôn có vai trò quan trọng trong phát triển nói chung và trong kinh tế thị trường nói riêng. Trong một nền kinh tế thị trường, nhà nước với tư cách là người quản lý nền kinh tế quốc dân, làm nhiệm vụ dẫn dắt và tạo ra môi trường để thị trường vận hành. Chất lượng và hiệu quả hoạt động của thị trường đến đâu một phần lớn phụ thuộc vào năng lực của bộ máy nhà nước. Nếu nhà nước không mạnh, nghĩa là không có khả năng tạo ra được một môi trường pháp lý nói riêng và môi trường kinh tế nói chung, thông thoáng, lành mạnh, không vạch ra được chiến lược phát triển kinh tế đúng đắn, cũng như không có khả năng thực hiện và kiểm soát một cách có hiệu quả các chiến lược, chính sách và luật pháp đó, thì nền kinh tế không thể nào vận hành và phát triển có hiệu quả. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với các nước đi sau, mà sự thành công của Nhật Bản và các NIEs đã chứng minh điều đó. Tuy nhiên, tùy theo từng bối cảnh khác nhau mà sự phát triển kinh tế đề ra những yêu cầu khác nhau đối với mức độ và phương thức tác động của nhà nước vào nền kinh tế. Thực tế cho thấy, vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế luôn biến đổi theo thời gian và không gian, gắn với bối cảnh cụ thể của thời đại.

Trong gần hai thập kỷ vừa qua, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế có sự gia tăng mạnh mẽ, diễn ra toàn diện trên nhiều lĩnh vực: thương mại, tài chính, đầu tư, cũng như các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường v.v, với các hình thức đa dạng và mức độ khác nhau, tạo ra những mối quan hệ gắn bó chặt chẽ, sự phụ thuộc sâu sắc và những tác động qua lại hết sức nhanh nhạy giữa các nền kinh tế trên thế giới. Quá trình toàn cầu hóa hiện nay diễn ra trên nền tảng *các công cụ mới*, với sự xuất hiện của những *nhân vật mới*, những *thị trường mới, giá trị mới* và vận động dựa trên khuôn khổ những *quy tắc điều chỉnh mới*. Chính những yếu tố mới này, như sự bành trướng của các công ty xuyên quốc gia, sự vận động liên tục của các luồng tài chính, sức ép cạnh tranh, vai trò ngày càng tăng của các tổ chức phi chính phủ, cùng những quy tắc, luật lệ của các tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực, đang tạo ra những tác động, ảnh hưởng đối với vai trò kinh tế của một Nhà nước quốc gia. Điều này đặt ra yêu cầu phải xác định lại vai trò kinh tế của nhà nước trong bối cảnh mới - bối cảnh toàn cầu hóa.

Hiện nay, Việt Nam đang trong một quá trình kép: vừa tiến hành chuyển đổi từ một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với việc thiết lập các yếu tố cơ bản của nền kinh tế thị trường; vừa tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế trong một thế giới biến đổi nhanh. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã thu được những thành tựu quan trọng bước đầu, góp phần vào tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội, tạo môi trường thuận lợi hơn để phát triển kinh tế. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề yếu kém cần khắc phục. Do đó, hơn lúc nào hết, trong điều kiện Việt Nam đang trong thời kỳ chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, việc nghiên cứu quá trình toàn cầu hoá và những tác động của nó đối với vai trò kinh tế của nhà nước nói chung, để từ đó rút ra những bài học, đề ra những giải pháp nhằm phát huy vai trò kinh tế của Nhà nước

Việt Nam nói riêng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta là một vấn đề có ý nghĩa cao cả về lý luận và thực tiễn.

Xuất phát từ thực tiễn đó, tôi đã chọn đề tài '*Vai trò kinh tế của nhà nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam'* cho luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Vai trò nhà nước trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế là một vấn đề được đề cập đến trong khá nhiều các công trình nghiên cứu về toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế nói chung như:

- Bộ Ngoại giao, Vụ hợp tác Kinh tế Đa phương (2002), *Việt Nam hội nhập kinh tế trong xu thế toàn cầu hóa - Vấn đề và giải pháp,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (2000), *Báo cáo phát triển con người năm 1999,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Đỗ Trung Hiếu (2002), "Vai trò nhà nước trong thời đại toàn cầu hóa", *Lý luận chính trị,* 2004 (4), Tr. 31-34, 56.
- Nguyễn Văn Mạnh (2003), "Vai trò của nhà nước ta trong bối cảnh toàn cầu hóa", *Nhà nước và Pháp luật,* 2003 (3), Tr. 12-15.
- Ngân hàng Thế giới (1997), *Nhà nước trong một thế giới đang thay đổi,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Ngân hàng Thế giới (2002), *Toàn cầu hóa, tăng trưởng và nghèo đói, xây dựng một nền kinh tế hội nhập,* Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội.
- Lê Hữu Nghĩa (2003), "Nền kinh tế toàn cầu và nhà nước quốc gia", *Lý luận Chính trị,* 2003(4), Tr. 12-15.
- Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Ngân hàng Thế giới (2004), *Việt Nam sẵn sàng gia nhập tổ chức Thương mại Thế giới (WTO),* Kỷ yếu Diễn đàn, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

- Martin Wolf (2002), "Liệu nhà nước quốc gia có thể tồn tại cùng với toàn cầu hóa không?", *Châu Mỹ ngày nay,* 2002 (1), Tr. 62-68.

Các công trình này đề cập đến nhiều vấn đề khác nhau của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, như những cơ sở khách quan dẫn đến quá trình toàn cầu hóa, cũng như đặc trưng của quá trình này và tác động của nó đối với các quốc gia trên thế giới nói chung, và các nước đang phát triển nói riêng, trong đó có Việt Nam. Vai trò kinh tế của nhà nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế được đề cập đến rải rác trong các công trình này, tuy nhiên có rất ít công trình tập trung đi sâu nghiên cứu một cách có hệ thống vai trò kinh tế của nhà nước trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, và đặc biệt chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu vấn đề này một cách đầy đủ đối với trường hợp của Việt Nam.

Chính vì vậy, công trình nghiên cứu "Vai trò kinh tế của nhà nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam" sẽ cố gắng đi sâu giải quyết vấn đề này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích vai trò kinh tế của nhà nước nói chung trong quá trình toàn cầu hóa, luận văn sẽ phân tích và đánh giá thực trạng vai trò kinh tế của Nhà nước Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, để từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm phát huy vai trò kinh tế của Nhà nước ta trong quá trình tham gia vào toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Vai trò kinh tế của nhà nước Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

- **Phạm vi nghiên cứu:** Luận văn nghiên cứu vai trò kinh tế của nhà nước trong quá trình toàn cầu hóa kể từ thập niên 1980, và vai trò kinh tế của nhà nước Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế từ khi Việt

Nam thực hiện chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế từ năm 1991 đến nay.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để làm rõ những nội dung cơ bản đã đặt ra của luận văn, dựa trên nền tảng phương pháp luận chung là phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, trong quá trình nghiên cứu tác giả sử dụng các phương pháp như: phương pháp lôgíc, lịch sử, phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê, so sánh, phân tích dự báo v.v.

6. Dự kiến những đóng góp mới của luận văn

- Phân tích vai trò kinh tế của nhà nước trong bối cảnh toàn cầu hóa
- Phân tích, đánh giá vai trò kinh tế của Nhà nước trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
- Đưa ra những giải pháp nhằm phát huy vai trò kinh tế của Nhà nước trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài các phần mở đầu, kết luận, phụ lục, và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1: Toàn cầu hóa và tác động của nó đối với vai trò kinh tế của nhà nước

Chương 2: Thực trạng vai trò kinh tế của Nhà nước trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Chương 3: Giải pháp phát huy vai trò kinh tế của Nhà nước trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

CHƯƠNG 1: TOÀN CẦU HÓA VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ ĐỐI VỚI VAI TRÒ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC

1.1 KHÁI LUẬN VỀ TOÀN CẦU HÓA

1.1.1 Khái niệm và các giai đoạn phát triển của toàn cầu hóa

1.1.1.1 Khái niệm toàn cầu hoá

Toàn cầu hoá có thể được hiểu là một quá trình, trong đó các quốc gia trên thế giới liên kết, hợp tác và phụ thuộc lẫn nhau một cách sâu sắc trên mọi phương diện từ kinh tế, chính trị, quân sự, đến văn hóa, xã hội, v.v. Đường biên giới giữa các quốc gia mờ đi, các bức tường ngăn cách dần bị xoá bỏ. Sự phân công lao động và hợp tác sản xuất vượt ra khỏi giới hạn các quốc gia, sự vận động của các dòng vốn và các hoạt động xuất khẩu tư bản diễn ra với tốc độ nhanh chóng, với quy mô khổng lồ. Các yếu tố sản xuất và lực lượng lao động di chuyển dễ dàng, thuận tiện giữa các quốc gia, tạo nên một tốc độ vận động, tốc độ biến đổi nhanh nhạy của các quá trình, hình thành một hệ thống kinh tế thống nhất toàn cầu, với qui mô toàn thế giới, đạt tới trình độ và chất lượng mới, cao hơn.

1.1.1.2. Các giai đoạn phát triển của toàn cầu hóa

Xu hướng toàn cầu hóa là một quá trình đã trải qua những giai đoạn phát triển thăng trầm khác nhau và được các nhà nghiên cứu đương đại phân chia thành ba làn sóng. Tuy nhiên, hai làn sóng đầu tiên (1870-1914 và 1945-1980) thường được đề cập đến với thuật ngữ "quốc tế hóa". Chỉ đến làn sóng toàn cầu hóa thứ ba, tức là từ những năm 1980 đến nay, thuật ngữ "toàn cầu hóa" mới được sử dụng rộng rãi, để chỉ một làn sóng toàn cầu hóa có sự khác biệt về chất so với hai làn sóng trước đó.

1.1.2 Cơ sở khách quan của toàn cầu hóa

1.1.2.1 Sự phát triển của khoa học và công nghệ

Một vài thập kỷ vừa qua, thế giới đã chứng kiến những bước nhảy vọt trong sự phát triển của khoa học và công nghệ, với những tiến bộ nhanh chóng hơn và căn bản hơn. Điều này đang làm hạ thấp chi phí sản xuất hàng hóa, dịch vụ với một tốc độ chưa từng thấy trước đây. Dẫn đầu trong

những biến đổi này là những thành tựu to lớn trong lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ vật liệu v.v. Đây là những lực đẩy mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển của quá trình toàn cầu hóa.

1.1.2.2 Sự bành trướng của các công ty xuyên quốc gia

Một yếu tố quan trọng trực tiếp góp phần thúc đẩy xu thế toàn cầu hóa phát triển nhanh chóng trong hai thập kỷ vừa qua gắn liền với vai trò ngày càng lớn của các công ty xuyên quốc gia. Sự bành trướng và phát triển mạnh mẽ của các công ty này vừa phản ánh đặc điểm, vừa là nhân tố thúc đẩy và là lực lượng xung kích của quá trình toàn cầu hóa.

1.1.2.3 Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế thị trường

Sự hình thành và hội nhập của các nền kinh tế thị trường vào hệ thống kinh tế thế giới là một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định, tạo cơ sở kinh tế cho quá trình toàn cầu hoá, đẩy mạnh các quan hệ hợp tác và cạnh tranh về nhiều mặt giữa các chủ thể của nền kinh tế thế giới.

1.1.2.4 Quá trình giải điều tiết ở các nước Tây Âu, Mỹ, Nhật

Quá trình giải điều tiết này đã tạo ra một cơ chế thoáng hơn, làm tăng tính chủ động của các chủ thể kinh tế và tăng khả năng mềm dẻo linh hoạt của các hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, kinh doanh buôn bán v.v. Quá trình này cũng đã góp phần kết cấu lại nền sản xuất, tăng cường khả năng cạnh tranh và mở cửa các nền kinh tế ở những nước này, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của các công ty xuyên quốc gia, tạo thêm một lực đẩy cho quá trình toàn cầu hoá.

1.1.3 Đặc trưng của toàn cầu hóa

1.1.3.1 Toàn cầu hóa gắn liền với sự ra đời của thời đại kinh tế mới - kinh tế tri thức

Toàn cầu hóa gắn với kinh tế tri thức là một đặc trưng cơ bản, thể hiện rõ sự khác biệt về chất giữa xu thế toàn cầu hóa ngày nay với các thời kỳ trước trong lịch sử. Toàn cầu hóa cũng là quá trình chuyển sang kinh tế tri thức. Toàn cầu hóa và kinh tế tri thức thúc đẩy nhau, gắn quyện với

nhau, trong đó, toàn cầu hóa tạo thuận lợi cho sự phát triển nhanh kinh tế tri thức ở các nước. Và ngược lại, kinh tế tri thức tạo ra những điều kiện, cơ sở và phương tiện vững chắc cho quá trình toàn cầu hóa.

1.1.3.2 Mức độ liên kết thị trường thế giới

Những thay đổi trong chính sách tự do hoá thương mại, thu hút đầu tư nước ngoài... của chính phủ một loạt các nước, cùng với những thành tựu phát triển vượt bậc của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin viễn thông, cũng như sự bành trướng của các công ty xuyên quốc gia, đang làm cho các thị trường hàng hóa, dịch vụ, thị trường tài chính và thị trường lao động trên thế giới có sự liên kết chặt chẽ, tác động qua lại và gắn kết với nhau trong một hệ thống hữu cơ với tốc độ tăng trưởng cao hơn nhiều lần tốc độ tăng trưởng sản xuất.

1.1.3.3 Toàn cầu hóa trong sự tác động của các nhân tố mới

Một trong những đặc trưng của quá trình toàn cầu hoá ngày nay là sự nổi lên của một loạt các tác nhân mới, như sự thay đổi của hệ thống thể chế kinh tế toàn cầu và khu vực, vai trò ngày càng gia tăng của các công ty xuyên quốc gia, các tổ chức phi chính phủ, cũng như vị thế và tiếng nói của từng cá nhân trong cộng đồng và hoạt động của các tổ chức xã hội dân sự. Đi liền với các nhân tố mới này là những quy tắc, những yêu cầu và những chuẩn mực giá trị mới, buộc các quốc gia phải tính tới trong mọi quyết sách của mình về đường lối chính sách đối nội và đối ngoại.

1.2 VAI TRÒ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

1.2.1 Vai trò của nhà nước trong kinh tế thị trường

Trong nền kinh tế thị trường, vai trò của nhà nước được thể hiện ở ba chức năng cơ bản: *đảm bảo tính hiệu quả, đảm bảo tính công bằng và đảm bảo sự ổn định vĩ mô*.

1.2.1.1 Đảm bảo tính hiệu quả

Chức năng thứ nhất của nhà nước là sửa chữa các thất bại của thị trường để thị trường có thể hoạt động hiệu quả hơn. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thất bại của thị trường và nhiều mức độ thất bại khác nhau:

a) Hàng hóa công cộng

b) Độc quyền

c) Ngoại ứng

d) Vấn đề thông tin không đầy đủ

e) Thị trường không hoàn thiện

1.2.1.2 Bảo đảm tính công bằng

Ngay cả trong trường hợp lý tưởng, thị trường đạt hiệu quả Pareto và không có các thất bại thị trường, thì vẫn cần đến vai trò của nhà nước, bởi thị trường có thể tạo ra sự phân hóa và bất bình đẳng về thu nhập và tiêu dùng.

1.2.1.3 Ổn định kinh tế vĩ mô

Chức năng thứ ba của nhà nước trong kinh tế thị trường là tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô. Bằng việc sử dụng một cách thận trọng hai công cụ là chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ, nhà nước có thể tác động tới mức tổng chi tiêu xã hội, tốc độ tăng trưởng và tổng sản lượng, tỷ lệ hữu nghiệp và thất nghiệp, và mức giá cũng như tỷ lệ lạm phát trong nền kinh tế.

1.2.2 Tác động của toàn cầu hóa đối với vai trò kinh tế của nhà nước

Có thể nói quá trình toàn cầu hóa hiện nay đang tác động lên vai trò kinh tế của nhà nước theo hai khía cạnh: *Thứ nhất*, những điều kiện kinh tế mới, điều kiện thị trường và công nghệ mới đã và đang làm thay đổi tính chất của những thất bại của thị trường, đặt ra những vấn đề mới về phạm vi và mức độ can thiệp của nhà nước trong việc giải quyết các thất bại của thị trường. *Thứ hai*, toàn cầu hóa đang làm gia tăng mạnh mẽ sự mở cửa, đan xen và tuỳ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế. Điều này đang có tác động và ảnh hưởng mạnh mẽ tới vị thế và vai trò của Nhà nước quốc gia.

1.2.3 Vai trò kinh tế của nhà nước tại các nước đang phát triển

Hầu hết các nước đang phát triển đều đang trong một quá trình kép: vừa tiến hành xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường, vừa tham gia vào quá

trình hội nhập kinh tế quốc tế trong một thế giới biến đổi nhanh. Đây là hai nhiệm vụ quan trọng, đòi hỏi nhà nước ở các quốc gia này phải có những chức năng tinh vi hơn và có sự nhạy bén, uyển chuyển cao hơn trước.

Nhà nước phải xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế kinh tế thị trường, thúc đẩy sự hình thành và phát triển của các quan hệ thị trường. Mặt khác, việc nhà nước can thiệp vào thị trường trong bối cảnh hiện nay cần phải tính đến các tính chất mới của các thất bại thị trường.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VAI TRÒ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

2.1 TỔNG QUAN QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

Từ năm 1991, thực hiện đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước, "mở rộng đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ kinh tế đối ngoại" trên tinh thần "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển", Việt Nam đã lần lượt tham gia vào các tổ chức kinh tế quốc tế và ký kết các hiệp định thương mại và hợp tác với các quốc gia trên thế giới: bình thường hoá quan hệ ngoại giao với EU (1990); nối lại được quan hệ tín dụng với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế như IMF, WB, ADB; tham gia Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) (1996); xin gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) từ năm 1995; tham gia ASEM (1996); là thành viên của APEC (1998); bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc (1991), Nhật Bản (1986), ký kết Hiệp định Thương mại Việt-Mỹ (2000) v.v.

2.2 VAI TRÒ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

2.2.1 Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế cho hội nhập

2.2.1.1 Những cải cách về khung khổ pháp luật

Nhìn chung, trong gần hai thập niên qua, Nhà nước đã xây dựng được một khung pháp luật mới bao quát trên hầu hết các lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội, thay thế dần cho khung pháp luật của nền kinh tế kế hoạch tập trung trước đây. Khung pháp luật mới này vừa là cơ sở pháp lý cho sự ra đời và vận hành của nền kinh tế thị trường, vừa gắn kết với quá trình hội nhập của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới.

- Quyền sở hữu được luật pháp hoá, tạo điều kiện đảm bảo cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế yên tâm đầu tư sản xuất, kinh doanh có hiệu quả trong dài hạn.
- Khung pháp luật bảo đảm quyền tự do kinh doanh, tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh đã ngày càng được nới rộng.
- Nhà nước tiến hành cải cách mạnh mẽ hệ thống doanh nghiệp nhà nước, hỗ trợ và tạo điều kiện về mặt pháp lý đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.
- Các thiết chế thị trường (thị trường hàng hóa, thị trường tiền tệ, thị trường lao động, thị trường đất đai, thị trường vốn) được xây dựng, tạo cơ sở nền tảng cho nền kinh tế thị trường vận hành hiệu quả hơn.
- Vai trò của Nhà nước trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế cho hội nhập cũng được thể hiện thông qua việc thực hiện các cam kết quốc tế.

2.2.1.2 Những cải cách về thể chế tài chính

Quá trình cải cách bắt đầu từ việc xây dựng và phát triển hệ thống ngân hàng 2 cấp và thị trường tài chính nhằm tạo ra một khu vực tài chính lành mạnh và hiệu quả, đảm bảo tự do trong khu vực tài chính của Việt Nam.

- **Đổi mới hệ thống ngân hàng:** chuyển từ hệ thống ngân hàng 1 cấp sang hệ thống ngân hàng 2 cấp. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được trao các chức năng truyền thống như điều hành chính sách tiền tệ và giám sát hệ thống tài chính, khởi đầu cho một loạt cải cách tài chính tiền tệ ở Việt Nam sau này. Các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng kinh doanh tiền tệ và thực hiện cạnh tranh trong khuôn khổ pháp luật cho phép, từng bước tăng cường tính độc lập và tự chủ trong kinh doanh tiền tệ.
- **Hình thành và phát triển thị trường tài chính:** Chủ trương thành lập thị trường tài chính được thực hiện từ năm 1993. Đến hết năm 1994, các thị trường tiền tệ lần lượt ra đời.

2.2.1.3 Những cải cách trong bộ máy hành chính nhà nước

Xét tổng thể, tổ chức bộ máy Chính phủ, các Bộ và cơ quan hành chính các cấp địa phương đã có sự đổi mới quan trọng nhất định về vai trò,

chức năng, trách nhiệm cho phù hợp hơn với cơ chế kinh tế mới, cải cách định hướng thị trường và hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế ở Việt Nam trong thời gian qua. Việc cải cách các thủ tục hành chính mặc dù còn được triển khai chậm, song bước đầu đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ.

2.2.2 Kiểm soát vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng

- Trong những năm qua, mặc dù tình hình trong nước và quốc tế có nhiều khó khăn và biến động, song nền kinh tế Việt Nam vẫn đạt được mức tăng trưởng liên tục ở mức khá cao.
- Chính phủ đã có những biện pháp hiệu quả nhằm đẩy lùi siêu lạm phát, điều chỉnh tỷ lệ lạm phát trong giới hạn cho phép.
- Chính sách tài khoá của chính phủ trong thời gian qua nhìn chung ngày càng được hoàn thiện hơn, đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế.
- Cán cân thương mại từng bước được điều chỉnh, tỷ lệ nhập siêu giảm dần.

2.2.3 Cải cách tự do hoá thương mại

Các chính sách cải cách, tự do hoá thương mại này được thể hiện ở các khía cạnh: Xoá bỏ độc quyền ngoại thương, mở rộng thương quyền hay quyền tham gia hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; Tự do hoá thuế quan và phi thuế quan; Xoá bỏ dần kiểm soát ngoại hối và áp dụng chính sách tỷ giá hối đoái mang định hướng thị trường nhiều hơn.

2.2.3.1 Chính sách thương quyền

Chính sách thương quyền của Việt Nam đã từng bước nới lỏng điều kiện tham gia hoạt động xuất nhập khẩu cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, nhất là từ năm 1998. Doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã khá tự do xuất nhập khẩu theo mọi ngành nghề.

2.2.3.2 Chính sách thuế quan và phi thuế quan

- *Về chính sách thuế quan,* thực hiện chính sách đổi mới, mở cửa nền kinh tế, Nhà nước đã dần từng bước điều chỉnh lại hệ thống thuế quan cho phù hợp với thông lệ quốc tế.

- *Về chính sách phi thuế quan*, trong giai đoạn 1986-1988, các qui định về hạn ngạch là hết sức ngặt nghèo. Từ năm 2001, một số hàng rào phi thuế quan như hạn chế định lượng, chỉ thị đầu mối xuất nhập khẩu đã được dỡ bỏ sớm hơn lịch trình dự kiến. Các hàng rào phi thuế quan khác cũng sẽ được xoá bỏ dần dần trong vòng 5 năm sau khi các sản phẩm được hưởng ưu đãi theo CEPT.

2.2.3.3 Chính sách kiểm soát ngoại hối và tỷ giá hối đoái

- *Chính sách kiểm soát ngoại hối* được Nhà nước ban hành từ năm 1988, theo Nghị định 161/HĐBT (18/10/1988). Từ năm 2000, Nhà nước đã áp dụng một chính sách kiểm soát ngoại hối được nới lỏng đáng kể.
- *Chính sách tỷ giá:* từ năm 1997, việc điều chỉnh kịp thời tỷ giá đã góp phần giải quyết một bước tình trạng ngưng trệ của thị trường liên ngân hàng, doanh số giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng đã có xu thế tăng lên, cung ngoại tệ được khuyến khích hơn, đáp ứng được nhu cầu ngoại tệ cho nền kinh tế.

2.2.3.4 Những thành tựu trong lĩnh vực tự do hoá thương mại

- Thương mại đã phát triển khá nhanh cả về *giá trị,* cả về *tỷ trọng trong GDP*.
- Xét trên phương diện thị trường ngoại thương quốc tế, trong những năm qua, Việt Nam đã thiết lập và mở rộng đáng kể thị trường xuất khẩu và đối tác thương mại, cũng như có sự dịch chuyển lớn trong cơ cấu thị trường xuất nhập khẩu của mình.
- Cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu của Việt nam trong thời gian qua có bước cải thiện đáng kể theo hướng đa dạng hóa và tăng dần tỷ trọng của hàng hóa qua chế biến.

2.2.4 Thu hút đầu tư nước ngoài

2.2.4.1 Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

- Việc cải thiện môi trường đầu tư được thể hiện trước hết qua các lần xây dựng, sửa đổi và từng bước hoàn thiện Luật Đầu tư nước ngoài từ năm 1987 đến nay.

- Vai trò của Nhà nước trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài còn được thể hiện qua nhiều hoạt động nhằm xác định rõ những cản trở mà các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài gặp phải, và kêu gọi, thu hút thêm đầu tư nước ngoài. Việc nghiên cứu môi trường đầu tư tại Việt Nam nói chung và ở cấp địa phương nói riêng cũng ngày càng được chú trọng.
- Những nỗ lực của Nhà nước trong cải cách, hoàn thiện và hấp dẫn môi trường đầu tư đã mang lại thành tựu đáng kể trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tính đến 31/12/2005, Việt Nam đã thu hút được 6030 dự án, với tổng số vốn đầu tư đăng ký là hơn 51 tỷ USD, trong đó số vốn đã thực hiện gần 28 tỷ USD (chiếm gần 55%) trong giai đoạn 1988-2005. Cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ngày càng phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có vai trò đáng kể trong GDP của cả nước và góp phần nâng cao mức tăng trưởng chung của nền kinh tế.

2.2.4.2 Viện trợ phát triển chính thức (ODA)

- Kể từ khi khai thông lại quan hệ với IMF, WB và ADB năm 1992 tới nay, qua 14 kỳ hội nghị các nhà tài trợ, Việt Nam đã nhận được cam kết viện trợ từ các nước và các tổ chức tài chính quốc tế với tổng mức vốn lên đến 28,78 tỷ USD.
- Nguồn vốn ODA đã được tập trung hỗ trợ cho các lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội ưu tiên của Chính phủ. Nguồn ODA cũng hỗ trợ đáng kể cho ngân sách của Chính phủ để thực hiện điều chỉnh cơ cấu kinh tế và thực hiện chính sách cải cách kinh tế.
- Về môi trường pháp lý, bắt đầu từ năm 1993, nhằm tạo điều kiện cho việc thu hút, quản lý và sử dụng nguồn ODA tại Việt Nam, Chính phủ đã không ngừng hoàn thiện khung pháp lý cho việc quản lý nguồn vốn này. Bên cạnh các văn bản khung, nhiều văn bản pháp quy khác cũng được ban hành.
- Song song với việc kiện toàn về mặt pháp lý, Chính phủ cũng đã tiến hành một loạt các hoạt động tích cực, góp phần hỗ trợ công tác quản lý ODA.

2.3 ĐÁNH GIÁ VAI TRÒ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

2.3.1 Những thành tựu đã đạt được

Có thể nói, từ khi Việt Nam tiến hành công cuộc Đổi mới kinh tế năm 1986, đặc biệt từ khi thực hiện chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại từ năm 1991 đến nay, Nhà nước đã đạt được những thành tựu quan trọng trong việc điều chỉnh vai trò tương ứng của mình trong nền kinh tế, thích ứng với hai nhiệm vụ kép: chuyển nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, với điểm xuất phát thấp sang nền kinh tế thị trường, đồng thời đưa nền kinh tế hội nhập ngày càng sâu vào nền kinh tế thế giới, tham gia vào quá trình toàn cầu hóa.

2.3.2 Những vấn đề đặt ra đối với vai trò kinh tế của Nhà nước

2.3.2.1 Chưa xác định rành mạch tương quan giữa vai trò của Nhà nước và thị trường trong nền kinh tế

Vấn đề tổng quát đặt ra đối với vai trò kinh tế của Nhà nước trong nền kinh tế hiện nay đó là chúng ta còn thiếu tư duy đổi mới về vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế, chưa xác định được rành mạch tương quan giữa nhà nước và thị trường trong việc phân bổ nguồn lực và điều tiết nền kinh tế. Nhiều lĩnh vực của nền kinh tế còn đang chịu sự can thiệp, chi phối quá sâu của Nhà nước. Nhà nước vẫn trực tiếp tham gia vào nhiều hoạt động đầu tư, kinh doanh, can thiệp bất hợp lý vào nhiều hoạt động kinh tế. Trong khi đó, một số lĩnh vực khác rất cần có bàn tay quản lý và điều tiết hiệu quả của Nhà nước thì lại chưa đáp ứng được như yêu cầu đặt ra.

Nhà nước không chỉ đảm nhiệm công việc quản lý vĩ mô đối với nền kinh tế, mà còn can thiệp trực tiếp vào cơ cấu kinh tế. Trong khi đó, chính sách đầu tư của Nhà nước lại chưa hợp lý. Thông qua việc duy trì và hỗ trợ mạnh một số lượng lớn các doanh nghiệp nhà nước, Nhà nước còn trực tiếp đầu tư quá nhiều vào sản xuất kinh doanh, kể cả vào các lĩnh vực mà khu vực ngoài nhà nước có thể làm được và làm với chi phí thấp hơn.

Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong những năm qua chưa tập trung khai thác và phát triển mạnh nhiều ngành và lĩnh vực mà Việt Nam có lợi thế và có thể mang lại hiệu quả cao nhất. Đầu tư của Nhà nước bị dàn trải và sa đà vào nhiều ngành và lĩnh vực không đưa lại hiệu quả kinh tế như đường mía, xi măng, thép, than.

Trong lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng, đầu tư Nhà nước vẫn chèn lấn đầu tư của khu vực tư nhân, đồng thời vẫn còn những trở ngại lớn đối với việc tham gia của khu vực tư nhân, trong đó có các biện pháp kiểm soát giá cả làm cho các dự án kết cấu hạ tầng trở nên không có lãi, sự thiếu vắng một khung pháp lý phù hợp, sự quan liêu thái quá và những cuộc đàm phán kéo dài, thể chế quy định yếu kém và thiếu một quy trình đấu thầu minh bạch.

2.3.2.2 Vấn đề về hệ thống luật pháp, chính sách, cơ chế quản lý điều hành của bộ máy hành chính Nhà nước

- Hệ thống luật pháp, chính sách còn chồng chéo, thiếu tính đồng bộ, tính minh bạch và khả năng có thể dự đoán.
- Công tác quản lý việc ban hành các văn bản quy phmj pháp luật còn lỏng lẻo.
- Hệ thống luật pháp, chính sách kinh tế của Việt Nam còn nhiều bất cập so với các quy định và thông lệ quốc tế.
- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật chưa đạt hiệu quả.
- Cơ chế quản lý điều hành của bộ máy hành chính Nhà nước tuy đã có nhiều cải thiện song trên thực tế quá trình giải quyết các thủ tục hành chính, phê duyệt dự án, cấp giấy phép sản xuất kinh doanh… còn rườm rà, tình trạng quan liêu, chế độ xin - cho trong phương thức quản lý của bộ máy hành chính chưa được khắc phục, nạn tham nhũng, hối lộ vẫn đang lộng hành.

2.3.2.3 Năng lực bộ máy quản lý nhà nước, năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác hội nhập còn hạn chế

- Phong cách làm việc, lề lối tư duy và các thói quen thực thi trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, viên chức vẫn còn mang nặng tính chất của kiểu điều hành kinh tế theo mệnh lệnh hành chính.

- So với đòi hỏi ngày càng cao của quá trình hội nhập, đội ngũ cán bộ của Việt Nam còn cần phải được nâng cao hơn nhiều về trình độ hiểu biết nói chung và năng lực chuyên môn nói riêng.
- Đội ngũ các nhà quản lý doanh nghiệp Việt Nam nhìn chung chưa đáp ứng được những yêu cầu của quá trình hội nhập.
- Vấn đề tổ chức chỉ đạo và phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp trong quá trình tiến hành hội nhập chưa thật sự chặt chẽ, nhịp nhàng và đồng bộ.

2.3.2.4 Thiếu chiến lược tổng thể về hội nhập kinh tế quốc tế

Cho đến nay, Nhà nước vẫn chưa đưa ra được một chiến lược tổng thể về hội nhập dựa trên một tầm nhìn dài hạn, gắn với chiến lược chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nhằm phát huy nội lực kết hợp với ngoại lực để đẩy nhanh CNH, HĐH, thực hiện sự tăng trưởng và phát triển bền vững. Đồng thời Nhà nước cũng chưa có một lộ trình tổng thể thực hiện các cam kết mở cửa trong tất cả các lĩnh vực, nhất là thuế quan, phi thuế quan, đầu tư, dịch vụ, sở hữu trí tuệ ở các cấp độ khác nhau như đơn phương, song phương, khu vực và toàn cầu, để có cơ sở đàm phán và giúp các ngành, các doanh nghiệp và địa phương có định hướng đúng trong xây dựng chương trình hành động của mình, có đủ thời gian chuẩn bị chu đáo và chủ động khi hàng rào bảo hộ dần dần bị xoá bỏ, và có kế hoạch vươn ra thâm nhập thị trường quốc tế.

CHƯƠNG 3: QUAN ĐIỂM ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

3.1 QUAN ĐIỂM ĐỊNH HƯỚNG VỀ VAI TRÒ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

- ***Thứ nhất,*** xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường trong việc phân bổ nguồn lực của nền kinh tế. Trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước cần ưu tiên cho việc tạo lập các điều kiện cho thị trường hoạt động hiệu quả, hơn là việc can thiệp vào các hoạt động của thị trường nhằm điều chỉnh các thất bại cố hữu của nó.
- ***Thứ hai,*** Nhà nước cần xác định lại mô hình tăng trưởng, chuyển từ mô hình thay thế nhập khẩu sang mô hình tăng trưởng hướng về xuất khẩu, mở cửa, gắn với hội nhập kinh tế quốc tế.
- *Thứ ba,* cần tạo sự nhận thức đầy đủ và sâu sắc ở tất cả các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và tạo ra sự hiểu biết rộng rãi trong quần chúng nhân dân về tính tất yếu và tính hiện thực của xu hướng toàn cầu hoá trên thế giới và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đồng thời, phải quán triệt rõ rằng quá trình này đang diễn ra với tốc độ ngày càng cao, tạo ra một hoàn cảnh rất mới, đầy tính thách thức cho sự phát triển của đất nước.

3.2 GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

3.2.1 Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với quá trình hội nhập

- Nhà nước cần tập trung vào xây dựng một khung khổ thể chế và pháp lý hữu hiệu, khuyến khích cạnh tranh, hỗ trợ sự phát triển của mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực tư nhân.
- Đổi mới cách thức và quá trình soạn thảo văn bản pháp quy đồng thời đổi mới phương thức phối hợp giữa các cơ quan Chính phủ các cấp nhằm

đảm bảo tính đồng bộ, khả thi và hiệu lực thi hành cao cho các văn bản pháp luật.

- Khẩn trương xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách kinh tế phù hợp với các quy tắc và luật chơi của các thể chế kinh tế quốc tế mà Việt Nam tham gia.

3.2.2 Cải cách bộ máy hành chính Nhà nước, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công chức

- Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong điều kiện nền kinh tế thị trường.
- Kiên quyết cải cách thủ tục hành chính nhằm bảo đảm tính pháp lý, hiệu quả, minh bạch và công bằng trong khi giải quyết công việc hành chính kinh tế.
- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đổi mới công tác tuyển chọn, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với quá trình phát triển và hội nhập của nền kinh tế.

3.2.3 Đẩy mạnh cải cách hệ thống doanh nghiệp nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các thành phần kinh tế hoạt động và phát triển, đặc biệt là thành phần kinh tế tư nhân

- Bên cạnh việc tạo điều kiện và môi trường thể chế để cho các doanh nghiệp Việt Nam nâng cao được sức cạnh tranh của mình trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, Nhà nước cần tiếp tục tiến hành cải cách mạnh mẽ hệ thống doanh nghiệp Nhà nước theo hướng tăng cường cạnh tranh, phá thế độc quyền, nâng cao tính chủ động, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp.
- Nhà nước cần tạo điều kiện cho tất cả các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân hoạt động và phát triển để có thể phát huy được đầy đủ tiềm năng các thành phần kinh tế này.

3.2.4 Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, đặc biệt hệ thống thông tin viễn thông

- Khẩn trương xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, như hệ thống giao thông vận tải, điện nước, thông tin, viễn thông, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.
- Phát triển hiệu quả ngành công nghệ điện tử truyền thông như là một ngành đột phá, mũi nhọn của quốc gia trong kỷ nguyên kinh tế tri thức.

3.2.5 Cải thiện môi trường đầu tư trực tiếp nước ngoài

- Nhà nước cần tự do hóa đầu tư hơn nữa bằng việc cho phép các nhà đầu tư nước ngoài được đầu tư kinh doanh nhiều hơn trong các lĩnh vực mà hiện nay còn đang bị hạn chế.
- Tiếp tục thực hiện lộ trình giảm các loại phí, áp dụng cơ chế giá thống nhất (một giá) đối với phí đăng kiểm phương tiện cơ giới, phí cảng biển, phí quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tiếp tục giảm giá cước viễn thông, ban hành khung giá thống nhất về đền bù giải toả mặt bằng, sửa đổi một số chính sách để tạo thuận lợi hơn cho đầu tư trực tiếp nước ngoài như đất đai, tín dụng, ngoại hối. Bổ sung chính sách ưu đãi có sức hấp dẫn cao đối với những lĩnh vực và địa bàn cần thu hút đầu tư. Tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào khu công nghiệp.
- Đổi mới công tác quản lý, điều hành nhằm tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ các dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài hoạt động có hiệu quả.

3.2.6 Phát triển, đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế

- Nhà nước cần hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đào tạo nguồn nhân lực.
- Khẩn trương đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, nhà quản lý, nhà kinh doanh, công nhân kỹ thuật lành nghề, có trình độ ngang tầm trình độ khu vực và quốc tế, đáp ứng được những yêu cầu cấp bách của quá trình hội nhập hiện nay.
- Nhà nước cần có các chính sách thiết thực hơn nữa nhằm phát hiện, nuôi dưỡng, thu hút và sử dụng nhân tài, đồng thời tạo điều kiện làm việc, chế độ ưu đãi xứng đáng để họ có thể phát huy hết năng lực của mình, đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế đất nước.

3.2.7 Hoàn thiện hệ thống tài chính - ngân hàng

- Các giải pháp dài hạn có liên quan đến chính sách lãi suất, các biện pháp huy động tiết kiệm bổ sung trong và ngoài nước, nâng cao tính độc lập tương đối của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc thực thi chính sách tài chính, tiền tệ của Nhà nước, tạo môi trường cạnh tranh trong hệ thống các ngân hàng, khắc phục tình trạng độc quyền, mở rộng điều kiện gia nhập thị trường, lĩnh vực hoạt động kinh doanh cho các ngân hàng nước ngoài và ngân hàng tư nhân. Cải cách doanh nghiệp Nhà nước, loại bỏ các hệ thống và tập quán ưu đãi doanh nghiệp Nhà nước và cải thiện khả năng tiếp cận của khu vực tư nhân với các nguồn tài chính khác, kể cả nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Từng bước xây dựng, phát triển và đa dạng hoá thị trường vốn, xây dựng và phát triển hơn nữa thị trường vốn bằng cách thành lập, khuyến khích và hỗ trợ thành lập các tổ chức và kinh doanh vốn dài hạn như công ty đầu tư, quỹ đầu tư, quỹ bảo hiểm rủi ro, ngân hàng bảo lãnh, ngân hàng cầm cố, các quỹ hưu trí, quỹ tương hỗ v.v.
- Tạo lập sân chơi bình đẳng hơn nữa cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước trong việc mở rộng điều kiện gia nhập thị trường, lĩnh vực hoạt động kinh doanh cho các ngân hàng nước ngoài và ngân hàng tư nhân.

KẾT LUẬN

1. Toàn cầu hóa là một xu thế khách quan và đang ngày càng gia tăng một cách mạnh mẽ. Xu hướng toàn cầu hóa ngày nay được thúc đẩy bởi các cơ sở khách quan như sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, sự bành trướng của các công ty xuyên quốc gia, sự phát triển của kinh tế thị trường và sự giải điều tiết ở các nước Tây Âu, Mỹ, Nhật. Toàn cầu hóa không phải là một hiện tượng mới mà đã có quá trình phát triển lâu dài của mình. Tuy nhiên, xu thế toàn cầu hóa ngày nay có những đặc trưng riêng, với những nét khác biệt về chất so với toàn cầu hóa ở tất cả các thời kỳ trước trong lịch sử, thể hiện ở mối quan hệ chặt chẽ với kinh tế tri thức, sự liên kết, phụ thuộc sâu sắc của các thị trường toàn cầu, sự nổi lên của

một loạt các nhân tố mới như các thể chế kinh tế khu vực và toàn cầu, vai trò ngày càng gia tăng của các công ty xuyên quốc gia, các tổ chức phi chính phủ, cũng như vị thế và tiếng nói của từng các nhân trong cộng đồng.

2. Quá trình toàn cầu hóa hiện nay đang tác động lên vai trò kinh tế của nhà nước theo hai khía cạnh: *Thứ nhất*, những điều kiện kinh tế mới, điều kiện thị trường và công nghệ mới đã và đang làm thay đổi tính chất của những thất bại của thị trường, đặt ra những vấn đề mới về phạm vi và mức độ can thiệp của nhà nước trong việc giải quyết các thất bại của thị trường. *Thứ hai*, toàn cầu hóa đang làm gia tăng mạnh mẽ sự mở cửa, đan xen và tuỳ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế. Điều này đang có tác động và ảnh hưởng mạnh mẽ tới vị thế và vai trò của Nhà nước quốc gia.

3. Trong bối cảnh quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế phát triển mạnh mẽ, nhà nước tại các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển đang phải đối mặt với một loạt các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội. Cần xác định mối tương quan giữa nhà nước và thị trường, trong đó, nhà nước đóng vai trò như thế nào. Cần phải khẳng định, không thể có sự phát triển kinh tế xã hội bền vững nếu không có một nhà nước hoạt động có hiệu quả. Một nhà nước có hiệu quả, chứ không phải một nhà nước với vai trò chi phối nền kinh tế hay một nhà nước tối thiểu, là trung tâm của sự phát triển kinh tế và xã hội. Nhà nước phải thân thiện với thị trường, đóng vai trò là một đối tác, là chất xúc tác và là người tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của thị trường. Hay nói cách khác, nhà nước phải hoạt động để bổ sung cho các thị trường chứ không phải là thay thế cho các thị trường đó. Hầu hết các nước đang phát triển đều đang trong một quá trình kép: vừa tiến hành xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường, vừa tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế trong một thế giới biến đổi nhanh. Đây là hai nhiệm vụ quan trọng, đòi hỏi nhà nước ở các quốc gia này phải có những chức năng tinh vi hơn và có sự nhạy bén, uyển chuyển cao hơn trước.

4. Thực hiện đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước về đổi mới, cải cách và hội nhập, Việt Nam đã từng bước gia nhập vào các tổ

chức kinh tế khu vực và quốc tế, thiết lập và đẩy mạnh quan hệ kinh tế song phương với nhiều quốc gia trên thế giới. Quá trình này diễn ra trên nhiều mặt, nhiều lĩnh vực và đã gặt hái được nhiều thành công, đóng góp to lớn vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững đất nước. Trong quá trình đó, vai trò kinh tế của nhà nước với tư cách là người xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế cho hội nhập, kiểm soát vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải cách tự do hóa thương mại, thu hút đầu tư nước ngoài, đã được thể hiện rõ nét qua từng giai đoạn phát triển và hội nhập của nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, còn một số vấn đề đặt ra đối với vai trò kinh tế của Nhà nước trong quá trình hội nhập, đặc biệt là việc chưa xác định rõ ràng tương quan giữa nhà nước và thị trường, các yếu tố về môi trường pháp lý, hệ thống chính sách, năng lực của bộ máy hành chính nhà nước và vấn đề thiếu chiến lược tổng thể cho hội nhập.

5. Để phát huy vai trò kinh tế của Nhà nước trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, trước hết, cần xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường trong việc phân bổ nguồn lực của nền kinh tế. Trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước cần ưu tiên cho việc tạo lập các điều kiện cho thị trường hoạt động hiệu quả, hơn là việc can thiệp vào các hoạt động của thị trường nhằm điều chỉnh các thất bại cố hữu của nó. Bên cạnh đó, Nhà nước cần xác định lại mô hình tăng trưởng, chuyển từ mô hình thay thế nhập khẩu sang mô hình tăng trưởng hướng về xuất khẩu, mở cửa, gắn với hội nhập kinh tế quốc tế. Cần quán triệt rõ rằng quá trình này đang diễn ra với tốc độ ngày càng cao, tạo ra một hoàn cảnh rất mới, đầy tính thách thức cho sự phát triển của đất nước. Vì vậy, nếu Việt Nam càng do dự, chần chừ trong suy nghĩ và hành động, không khẩn trương chuẩn bị các điều kiện hội nhập, thì càng nhanh chóng biến nguy cơ tụt hậu thành hiện thực. Theo định hướng này, những cải cách về thể chế, tạo lập sân chơi bình đẳng cho các thành phần kinh tế hoạt động và phát triển, phát triển cơ sở hạ tầng, cải thiện môi trường đầu tư nước ngoài là những biện pháp có ý nghĩa thực tế cao.